

Số: 669/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Thuận để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 206.961.000 đồng, cho ông (bà) Trần Thuận địa chỉ số 22 Hàm Nghi, khóm 1, phường 1, thành phố Sóc Trăng”

- Nay bổ sung và điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 224.879.000 đồng, cho ông (bà) Trần Thuận địa chỉ số 22 Hàm Nghi, khóm 1, phường 1, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Bổ sung số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và ông (bà) Trần Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND (để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG SỚM ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Trần Thuận**

Địa chỉ thường trú/tạm trú:

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	1,00	10.049.000	10.049.000	31	199	
2	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	65,80	2.890.000	190.162.000	31	199	
3	CLN; Ngoài GCN	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	6,20	2.890.000	17.918.000	31	199	
Tổng cộng			73,00		218.129.000			

II. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Cột bê tông đúc sẵn 10x10	17,50	100.000			100	1.750.000	
Tổng cộng							1.750.000	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	219.879.000	4	5.000.000	Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000
Tổng cộng			5.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 224.879.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi chín ngàn đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 206.961.000 đ

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 224.879.000 đ

- Chênh lệch tăng: 17.918.000 đ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

Số: 670/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Mỹ Thanh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6)

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 1.097.257.100 đồng, cho ông (bà) Trần Mỹ Thanh, địa chỉ số 11 Đinh Tiên Hoàng, khóm 2, phường 1, thành phố Sóc Trăng”

- Nay bổ sung và điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 1.109.106.100 đồng, cho ông (bà) Trần Mỹ Thanh, địa chỉ số 11 Đinh Tiên Hoàng, khóm 2, phường 1, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Bổ sung số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng (kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và ông (bà) Trần Mỹ Thanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND (để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT. *Rub*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐÌNH CỬ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 690/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Trần Mỹ Thanh**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 11 Đinh Tiên Hoàng, khóm 2, phường 1, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	107,90	10.049.000	1.084.287.100	31	200	
2	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng (đoạn ranh hẻm chùa Phước Nghiêm - giáp ranh UBND phường 5)	4,10	2.890.000	11.849.000	31	200	
Tổng cộng			112,00		1.096.136.100			

II. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnđ)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Hầm cầu: Hầm cầu (ống BTCT 900)	2,00	1.245.000			100	2.490.000	
2	Giếng đào thủ công, ống công BTCT 900	4,00	1.245.000			100	4.980.000	
3	Trụ BTĐS (0.2 x 0.2): Cột bê tông đúc sẵn 10x10	5,00	100.000			100	500.000	
Tổng cộng							7.970.000	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	1.104.106.100	4	5.000.000	Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000
Tổng cộng			5.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 1.109.106.100 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu, một trăm lẻ sáu ngàn, một trăm đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 1.097.257.100 đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 1.109.106.100 đ
- Chênh lệch tăng: 11.849.000 đ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

Số: 671/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Hoài Nam để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6)

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 676.853.144 đồng, cho ông (bà) Trần Hoài Nam, địa chỉ số 498/2B Tôn Đức Thắng, Khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

- Nay bổ sung và điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 678.943.144 đồng, cho ông (bà) Trần Hoài Nam, địa chỉ số 498/2B Tôn Đức Thắng, Khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Bổ sung số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng
(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và ông (bà) Trần Hoài Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND
(để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT. *Cal*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: Trần Hoài Nam

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 498/2B Tôn Đức Thắng, Khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	72,80	3.618.000	263.390.400	31	545	
2	CLN	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	1,90	1.100.000	2.090.000	31	545	
Tổng cộng			74,70		265.480.400			

II. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	64,74	4.939.000		17.544.540	100	337.295.400	

1.1	Cửa gỗ nhóm II trở lên, cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm xingfa	64,74	271.000		17.544.540			
2	Nhà Trước: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	8,58	3.271.000	1.681.680		100	26.383.500	
2.1	Không có trần	8,58	196.000	1.681.680				Giảm
Tổng cộng							363.678.900	

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Óp tường/cột gạch ceramic	87,81	282.000			100	24.762.420	
2	Gạch ốp bếp: Óp tường/cột gạch granite	2,42	345.000			100	834.900	
3	Đal bếp: Khối bê tông có cốt thép	0,096	4.729.000			100	453.984	
4	Chân bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	0,96	296.000			100	284.160	
5	Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	4,68	296.000			100	1.385.280	
6	Óp Mặt tiền: Óp tường/cột gạch granite	5,98	345.000			100	2.063.100	
Tổng cộng							29.783.844	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
-----	----------	----------	-----------	------------------	------------------	---------

1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	10.000.000	10.000.000	Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng từ 60 m2 đến 100 m2
Tổng cộng					10.000.000	

II. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	658.943.144	4	10.000.000	Giải tỏa trắng
Tổng cộng			10.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 678.943.144 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn, một trăm bốn mươi bốn đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định 415/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 676.853.144 đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 678.943.144 đ
- Chênh lệch tăng: 2.090.000 đ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

Số: 672/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Đặng Thị Tố Loan thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 669.052.250 đồng, cho ông (bà) Đặng Thị Tố Loan, địa chỉ số 498/7B Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

- Nay điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 651.796.064 đồng, cho ông (bà) Đặng Thị Tố Loan, địa chỉ số 498/7B Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và cho ông (bà) Đặng Thị Tố Loan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND
(để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÌNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 672/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Đặng Thị Tố Loan**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 498/7B Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	63,00	3.618.000	227.934.000	31	664	
2	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	8,00	1.100.000	8.800.000	31	664	
Tổng cộng			71,00		236.734.000			

II. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cử các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	62,16	4.939.000		16.845.360	100	323.853.600	
1.1	Cửa gỗ nhóm II trở lên, cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm xingfa	62,16	271.000		16.845.360			
Tổng cộng							323.853.600	

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Chân bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	1,44	296.000			100	426.240	
2	Gạch men ốp bếp: Ốp tường/cột gạch ceramic	1,32	282.000			100	372.240	
3	Ốp tường/cột gạch ceramic	69,165	282.000			100	19.504.530	
4	Ốp Phòng: Ốp tường/cột gạch ceramic	35,10	282.000			100	9.898.200	
5	Sê nô BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,47	4.729.000			100	2.222.630	
6	Ốp tường/cột gạch granite	8,29	345.000			100	2.860.050	
7	Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)	4,62	383.000			100	1.769.460	
Tổng cộng							37.053.350	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà trước: Nhà tiền chế cột thép hoặc cột bê tông đúc sẵn, nền láng xi măng, vách tole, mái tole	10,92	1.357.000		1.758.120	70	11.603.592	
1.1	Nền lát gạch ceramic	10,92	161.000		1.758.120			
Tổng cộng							11.603.592	

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Hàng rào (Trụ đá bằng BTCT, tường xây gạch dày 10)	19,78	1.050.000			70	14.538.300	

2	Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)	8,92	930.000		70	5.806.920	
3	Gạch ốp hàng rào: Ốp tường/cột gạch ceramic	3,87	282.000		70	763.938	
4	Lót nền, sàn gạch ceramic	9,24	223.000		70	1.442.364	
Tổng cộng						22.551.522	

II. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	10.000.000	10.000.000	Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng từ 60 m2 đến 100 m2
Tổng cộng					10.000.000	

III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	631.796.064	4	10.000.000	Giải tỏa trắng
Tổng cộng			10.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 651.796.064 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm sáu mươi bốn đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 669.052.250 đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 651.796.064 đ
- Chênh lệch giảm: -17.256.186 đ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 673/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Hồ Thanh Tùng; Hồ Quan Tâm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 642.233.304 đồng, cho ông (bà) Hồ Thanh Tùng; Hồ Quan Tâm, địa chỉ số 498/9D Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

- Nay điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 626.953.309 đồng, cho ông (bà) Hồ Thanh Tùng; Hồ Quan Tâm, địa chỉ số 498/9 D Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và cho ông (bà) Hồ Thanh Tùng; Hồ Quan Tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND (để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẬN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Hồ Thanh Tùng; Hồ Quan Tâm**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 498/9 D Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	70,90	3.618.000	256.516.200	31	116	
Tổng cộng			70,90		256.516.200			

II. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	58,286	4.939.000		15.795.506	96	291.523.258	
1.1	Cửa gỗ nhóm II trở lên, cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm xingfa	58,286	271.000		15.795.506			
2	Nhà trước: Nhà tiền chế cột thép hoặc cột bê tông đúc sẵn, nền láng xi măng, vách tole, mái tole	8,492	1.357.000		3.880.844	100	15.404.488	
2.1	Nền lát gạch ceramic	8,492	161.000		1.367.212			
2.2	Tăng Vách tường	8,492	296.000		2.513.632			

3	Nhà sau: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	4,584	3.271.000	898.464		96	13.531.968	
3.1	Không có trần	4,584	196.000	898.464				
Tổng cộng							320.459.714	

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Gạch men ốp sau nhà: Ốp tường/cột gạch ceramic	3,825	282.000			100	1.078.650	
2	Chân bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	0,96	296.000			100	284.160	
3	Gạch men ốp chân bếp: Ốp tường/cột gạch ceramic	1,92	282.000			100	541.440	
4	Đal bếp BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,165	4.729.000			100	780.285	
5	Đá granit ốp bếp: Ốp tường/cột gạch granite	1,65	345.000			100	569.250	
6	Gạch men ốp tường: Ốp tường/cột gạch ceramic	57,855	282.000			100	16.315.110	
7	Gạch men ốp phòng: Ốp tường/cột gạch ceramic	29,76	282.000			100	8.392.320	
8	Ốp mặt tiền: Ốp tường/cột gạch granite	5,844	345.000			100	2.016.180	
Tổng cộng							29.977.395	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	10.000.000	10.000.000	

Tổng cộng			10.000.000	
II. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:				
STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	606.953.309	4	10.000.000	Giải tỏa trắng Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 10.000.000 đ
Tổng cộng			10.000.000	

* **TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 626.953.309 đồng**

(Bảng chữ: Sáu trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm lẻ chín đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 642.233.304 đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 626.953.309 đ
- Chênh lệch giảm: -15.279.995 đ



Số: 674/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Dục Đức để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6).

Xét đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 664.276.240 đồng, cho ông (bà) Trần Dục Đức, địa chỉ số 498/7 Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

- Nay điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 650.591.349 đồng, cho ông (bà) Trần Dục Đức, địa chỉ số 498/7 Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

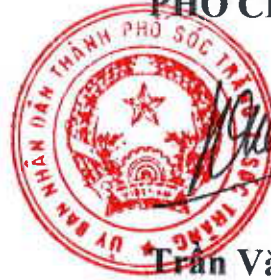
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và cho ông (bà) Trần Dục Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND
(để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Trần Đức Đức**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 498/7 Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	63,00	3.618.000	227.934.000	31	662	
2	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	7,30	1.100.000	8.030.000	31	662	
Tổng cộng			70,30		235.964.000			

II. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnđ)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	62,16	4.939.000		16.845.360	100	323.853.600	
1.1	Cửa gỗ nhóm II trở lên, cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm xingfa	62,16	271.000		16.845.360			
Tổng cộng							323.853.600	

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Chân bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	1,68	296.000			100	497.280	
2	Đal bếp: đal xi măng	2,45	161.000			100	394.450	
3	Gạch ốp men ốp bếp: Ốp tường/cột gạch ceramic	5,25	282.000			100	1.480.500	
4	Gạch ốp tường: Ốp tường/cột gạch ceramic	69,39	282.000			100	19.567.980	
5	Ốp Phòng: Ốp tường/cột gạch ceramic	25,434	282.000			100	7.172.388	
6	Giấy dán tường	39,60	60.000			100	2.376.000	
7	Ốp mặt tiền: Ốp tường/cột gạch granite	8,29	345.000			100	2.860.050	
8	Sê nô BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,47	4.729.000			100	2.222.630	
9	Giấy dán tường bếp: Giấy dán tường	8,36	60.000			100	501.600	
10	Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)	4,62	383.000			100	1.769.460	
Tổng cộng							38.842.338	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà trước: Nhà tiền chế cột thép hoặc cột bê tông đúc sẵn, nền láng xi măng, vách tole, mái tole	10,92	1.357.000		1.616.160	70	11.504.220	
1.1	Tầng 1/2 vách tường	10,92	148.000		1.616.160			

Tổng cộng						11.504.220
-----------	--	--	--	--	--	------------

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Hàng rào (Trụ đà bằng BTCT, tường xây gạch dày 10)	18,40	1.050.000			70	13.524.000	
2	Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)	8,62	930.000			70	5.611.620	
13	Lót nền, sàn gạch ceramic	8,274	223.000			70	1.291.571	
Tổng cộng							20.427.191	

I. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnd)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	10.000.000	10.000.000	Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng từ 60 m2 đến 100 m2
Tổng cộng					10.000.000	

II. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
1	630.591.349	4	10.000.000	Giải tỏa Trảng
Tổng cộng			10.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 650.591.349 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 664.276.240 đ

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 650.591.349 đ

- Chênh lệch giảm: -13.684.891 đ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Phạm Nguyệt Nga để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Nội dung tại Điều 1:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 660.284.420 đồng, cho ông (bà) Phạm Nguyệt Nga, địa chỉ số 498/7A Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

- Nay điều chỉnh thành:

“Bồi thường, hỗ trợ với số tiền 647.231.641 đồng, cho (bà) Phạm Nguyệt Nga, địa chỉ số 498/7A Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng”

Lý do: Giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

(kèm bảng tính chi tiết)

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và cho ông (bà) Phạm Nguyệt Nga chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT; các PCT;
- Thanh tra thành phố;
- Văn phòng HĐND&UBND
(để đăng công thông tin);
- NCTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐÌNH CỬ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẬN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 675/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Phạm Nguyệt Nga**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: **498/7A Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng**

A. Chính sách bồi thường:

I. Các loại đất:

STT	Loại đất	Vị trí/tên đường	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Thành tiền (vnd)	Số tờ	Số thửa	Ghi chú
1	ODT;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	63,00	3.618.000	227.934.000	31	663	
2	CLN;	Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp hẻm 498 đường Tôn Đức Thắng; Hẻm 516 đường Tôn Đức Thắng	7,70	1.100.000	8.470.000	31	663	
Tổng cộng			70,70		236.404.000			

II. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà chính: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cử các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm.	62,16	4.939.000		16.845.360	100	323.853.600	
1.1	Cửa gỗ nhóm II trở lên, cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm xingfa	62,16	271.000		16.845.360			
Tổng cộng							323.853.600	

III. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			

1	Chân bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm	1,44	296.000			100	426.240	
2	Gạch men ốp chân bếp: Ốp tường/cột gạch ceramic	1,44	282.000			100	406.080	
3	Đàn bếp: Khối bê tông có cốt thép	0,132	4.729.000			100	624.228	
4	Gạch men ốp tường: Ốp tường/cột gạch ceramic	72,315	282.000			100	20.392.830	
5	Gạch men ốp phòng: Ốp tường/cột gạch ceramic	25,20	282.000			100	7.106.400	
6	Sê nô BTCT: Khối bê tông có cốt thép	0,47	4.729.000			100	2.222.630	
7	Ốp mặt tiền: Ốp tường/cột gạch granite	8,29	345.000			100	2.860.050	
8	Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)	4,62	383.000			100	1.769.460	
9	Gạch men ốp bếp: Ốp tường/cột gạch ceramic	1,32	282.000			100	372.240	
Tổng cộng							36.180.158	

B. Chính sách hỗ trợ:

I. Hỗ trợ khác

1. Nhà và công trình phụ:

STT	Loại nhà	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			
1	Nhà trước: Nhà tiền chế cột thép hoặc cột bê tông đúc sẵn, nền láng xi măng, vách tole, mái tole	10,92	1.357.000		1.758.120	70	11.603.592	
1.1	Nền lát gạch ceramic	10,92	161.000		1.758.120			
Tổng cộng							11.603.592	

2. Công trình, vật kiến trúc khác:

STT	Hạng mục	Khối lượng (m ² , m ³ , cái, ...)	Đơn giá (vnd)	Diễn giải		Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
				Giảm	Tăng			

1	Hàng rào (Trụ đà bằng BTCT, tường xây gạch dày 10)	18,40	1.050.000		70	13.524.000	
2	Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)	6,72	930.000		70	4.374.720	
3	Lót nền, sàn gạch ceramic	8,274	223.000		70	1.291.571	
Tổng cộng						19.190.291	

II. Hỗ trợ di chuyển:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mức hỗ trợ (vnđ)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển	1	100	10.000.000	10.000.000	Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng từ 60 m2 đến 100 m2
Tổng cộng					10.000.000	

III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

STT	Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
1	627.231.641	4	10.000.000	Giải tỏa trắng
Tổng cộng			10.000.000	

*** TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 647.231.641 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm bốn mươi một đồng)

- Giá trị bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05/02/2024: 660.284.420 đ
- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ và định cư điều chỉnh: 647.231.641 đ
- Chênh lệch giảm: -13.052.779 đ

